TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thái

2. Ông Phạm Văn Rỡ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị G, sinh năm: 1995 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh An 2, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh Thanh H, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã M, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Danh Thị G là nguyên đơn trình bày:

Chị G và anh H kết hôn năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện R. Sau khi kết hôn sống bên gia đình anh H, tại ấp K, xã M, huyện R, chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tháng 5 năm 2020, chị G tự về nhà cha, mẹ ruột ở và sống ly thân với anh H cho đến nay, cuộc sống mạnh ai người đó lo.

Quá trình chung sống chị G và anh H có một người con chung là cháu Danh Thanh O, sinh ngày 16/3/2017 do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị G xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh H nên cương quyết yêu cầu ly hôn; về con: Theo đơn khởi kiện chị G yêu cầu được quyền nuôi cháu O, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị G rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận việc chị nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu O; về tài sản và nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Danh Thanh H là bị đơn:

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị G, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp K, xã M, huyện R, cung cấp thông tin như sau: Ban lãnh đạo ấp không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị G và anh H.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh H chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị G và anh H tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện R nên quan hệ hôn nhân của chị

G và anh H là hợp pháp. Chị G trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay, không còn quý trọng, quan tâm nhau, chị G xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh H, anh H không có ý kiến phản đối. Xét thấy, hôn nhân của chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh H.

Về con chung: Chị G tự nguyện rút yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh H, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử.

Về tài sản và nợ: Chị G không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Danh Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Danh Thanh H, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H là bị đơn cư trú tại huyện R, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị G giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị G có đơn đề nghị vắng mặt hợp lệ, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị G và anh H.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh H kết hôn năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện R cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 23 tháng 3 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân của chị G và anh H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị G xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tháng 5 năm 2020, chị G và anh H đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân với nhau cho đến nay, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị G và anh H đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị G và anh H nhưng không đạt kết quả do anh H vắng mặt, chị G xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh H cương quyết yêu cầu ly hôn và anh H không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị G, điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị G và anh H đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị G yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con: Chị G và anh H có một người con chung là cháu Danh Thanh O, sinh ngày 16/3/2017. Theo đơn khởi kiện, chị G yêu cầu được quyền nuôi cháu O, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị G xác định chị có đủ điều kiện nuôi con, cháu O do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, chị và anh H không có tranh chấp về việc nuôi con chung nên rút yêu cầu giải quyết về con. Xét thấy, việc rút yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn của chị G là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu nuôi con khi ly hôn giữa chị G và anh H. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu O, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị G nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu O. Trường hợp, chị G và anh H có tranh chấp về việc

nuôi con chung sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản và nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm a - b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Danh Thị G đối với anh Danh Thanh H.

2. Về con chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu tranh chấp về con khi ly hôn giữa chị Danh Thị G và anh Danh Thanh H, ghi nhận ý kiến của chị G nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Danh Thanh O, sinh ngày 16/3/2017. Trường hợp, chị G và anh H có tranh chấp về việc nuôi con sau khi ly hôn thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Danh Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002273 ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Kiên Giang, chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Danh Thị G và anh Danh Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh KG;
-VKS ND huyện GR;
-THA huyện GR;
-UBND xã (nơi ĐKKH);
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát